TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Triệu Thị Út Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên họp: Bà Mạc Thị Quỳnh Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thái Nguyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-VDS ngày 14 tháng 11 năm 2025, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cà Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Triệu Mình L, sinh năm 1984; (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

+ Chị Đặng Mùi G, sinh năm 1979; (Vắng mặt, không có lý do).

Đều có địa chỉ: thôn K, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu và các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết việc dân sự, Người yêu cầu – ông Cà Văn T là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên trình bày:*

Ngày 29/8/2025, anh Triệu M Lụa xin cấp lại giấy khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã B và xin cấp trích lục Giấy đăng ký kết hôn của anh L và chị Đặng Mùi G để anh L làm thủ tục ly hôn. Sau khi tiến hành rà soát, đối chiếu thông tin cá nhân của anh L, chị G tại bản trích lục kết hôn và giấy khai sinh, phát hiện anh L có ngày, tháng, năm sinh là 16/6/1984 nhưng ngày tháng năm sinh của anh L trong giấy chứng nhận kết hôn số 88/2002 quyển số 01/2002, đăng ký ngày

11/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B là ngày 16/6/1980. Căn cứ vào thông tin hộ tịch của anh Triệu M1 Lụa trong các loại giấy tờ tùy thân thấy rằng: tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 11/10/2002 thì anh L mới được 18 tuổi 03 tháng 25 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn đối với nam theo quy định (từ 20 tuổi trở lên), vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết "hủy việc kết hôn trái pháp luật" giữa anh Triệu Mình L và chị Đặng Mùi G tại giấy chứng nhận kết hôn số 88/2002 quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã B cấp ngày 11/10/2002. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã B không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ý kiến của anh Triệu Mình L: Anh L tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Đặng Mùi G vào ngày 11/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (cũ), nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên. Ngày tháng năm sinh của anh là 16/6/1984, ngày tháng năm sinh ghi trong giấy chứng nhận kết hôn là 16/6/1980. Thời điểm đăng ký, cán bộ tư pháp xã không yêu cầu cung cấp giấy tờ tùy thân mà chỉ yêu cầu các bên cam kết khai đúng, do hiểu không đúng quy định của pháp luật nên anh L đã tự khai là sinh năm 1980. Anh L và chị G chung sống từ năm 2002 cho đến năm 2023 thì ly thân cho đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Ủy ban nhân dân xã B yêu cầu xem xét hủy kết hôn trái pháp luật thì anh nhất trí, không có yêu cầu gì khác.

Về con chung: có 02 con chung là Triệu Thanh P, sinh ngày 28/3/2001 và Triệu Thị H, sinh ngày 23/12/2003. Hiện nay các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của chị Đặng Mùi G: Xác nhận có đăng ký kết hôn với anh Triệu M1 Lụa vào ngày 11/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (cũ), nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên; tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị không biết anh L sinh năm nào. Hiện tại chị và anh L không còn tình cảm vợ chồng, đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Đối với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của Ủy ban nhân dân xã B, chị G không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân, không yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: có 02 con chung là Triệu Thanh P, sinh ngày 28/3/2001 và Triệu Thị H, sinh ngày 23/12/2003. Hiện nay các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người làm chứng* ông Triệu Chàn P1 (bố đẻ của anh Triệu M1 Lụa) xác nhận anh L sinh ngày 16/6/1984; anh L và chị G đi đăng ký kết hôn thời điểm nào ông không biết. Quá trình chung sống, ông thấy anh L và chị G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2023.

** Tại phiên họp:*

- Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B là ông Cà Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Mình Lụa có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị Đặng Mùi G vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Mùi G vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ việc: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự: chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên về hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Triệu Mình L, sinh ngày 16/6/1984 và chị Đặng Mùi G, sinh ngày 13/12/1979 theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2002, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã B cấp ngày 11/10/2002.

Về lệ phí việc dân sự: Căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Ủy ban nhân dân xã B không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thái Nguyên nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên họp, đại diện theo pháp luật của người yêu cầu là Ủy ban nhân dân xã B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Mình Lụa có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Mùi G vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành mở phiên họp xem xét yêu cầu, vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

* Xét yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên:

Anh Triệu Mình L và chị Đặng Mùi G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 11/10/2002. Căn cứ thông tin hộ tịch của anh Triệu M1 Lụa trong các loại giấy tờ tùy thân, căn cứ lời khai của anh Triệu M1 Lụa và ông Triệu Chàn P1 (bố đẻ của anh L) thấy rằng: anh L có ngày, tháng, năm sinh là 16/6/1984 nhưng ngày tháng năm sinh của anh L ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 88/2002 quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã B cấp là 16/6/1980. Nguyên nhân có sự sai lệch về năm sinh của anh Lụa L1 do nhận thức chủ quan của cán bộ thực hiện nhiệm vụ đăng ký và bản thân anh Triệu Mình L.

Xét thấy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 11/10/2002 thì anh L mới được 18 tuổi 03 tháng 25 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn đối với nam theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 "Nam từ hai mươi tuổi trở lên". Tại khoản 6 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "kết hôn trái pháp luật là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định…".

Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật tại giấy chứng nhận kết hôn số 88/2002 quyển số 01/2002, ngày 11/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã B cấp đối với anh Triệu Mình L và chị Đặng Mùi G là có căn cứ chấp nhận.

* Trong quá trình giải quyết vụ việc, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Triệu Mình L và chị Đặng Mùi G đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, không có nguyện vọng tiếp tục chung sống nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã B; về con chung đều đã trên 18 tuổi, tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên không phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149, các Điều 367, 369, 370, 371 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Triệu Mình L và chị Đặng Mùi G theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2002, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (cũ), nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11/10/2002.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp, có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thái Nguyên có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Triệu Thị Út Hiền